

Số: 320/2018/TBHH-TCTBDATHHMB

Hải phòng, ngày 07 tháng 11 năm 2018

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật vùng nước trước bến Nhà máy Xi măng Thăng Long

QNH-26-2018

Vùng biển : Quảng Ninh  
Tên luồng : Hòn Gai - Cái Lân  
Tên luồng nhánh : Luồng vào cảng Nhà máy Xi măng Thăng Long

Căn cứ văn bản số 433/CV-XMTL ngày 02/11/2018 của Công ty cổ phần xi măng Thăng Long về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải độ sâu vùng nước trước cầu cảng nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh; Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc thông báo về thông số kỹ thuật của vùng nước trước cầu cảng nhà máy xi măng Thăng Long - Quảng Ninh (độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số "0 hải đồ") như sau:

### 1. Vùng nước trước bến cầu nhập nguyên, nhiên liệu:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm D1, D2, D3, D6, D7, D8 có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
D1	20°59'17.6"	107°02'32.9"	20°59'14.0"	107°02'39.7"
D2	20°59'14.8"	107°02'30.1"	20°59'11.2"	107°02'36.9"
D3	20°59'10.1"	107°02'30.2"	20°59'06.5"	107°02'37.0"
D6	20°59'14.4"	107°02'34.5"	20°59'10.8"	107°02'41.4"
D7	20°59'10.2"	107°02'39.1"	20°59'06.6"	107°02'45.9"
D8	20°59'11.2"	107°02'40.1"	20°59'07.6"	107°02'46.9"

độ sâu đạt: -2,5m (âm hai mét rưỡi).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu nhỏ nhất -1,6m, nằm tại mép cầu, ở khoảng giữa cầu nhập nguyên, nhiên liệu, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 5m.

### 2. Vùng nước trước bến cầu xuất xi măng bao và nhập nguyên, nhiên liệu:

- Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm D3, D4, D11, D15' có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
D3	20°59'10.1"	107°02'30.2"	20°59'06.5"	107°02'37.0"
D4	20°59'12.5"	107°02'32.7"	20°59'08.9"	107°02'39.5"
D11	20°59'03.8"	107°02'42.4"	20°59'00.2"	107°02'49.2"
D15'	20°59'01.4"	107°02'39.9"	20°58'57.8"	107°02'46.7"

độ sâu đạt: -4,8m (âm bốn mét tám).

- Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm D4, D5, D12, D11 có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
D4	20°59'12.5"	107°02'32.7"	20°59'08.9"	107°02'39.5"
D5	20°59'14.0"	107°02'34.2"	20°59'10.4"	107°02'41.0"
D12	20°59'05.3"	107°02'43.9"	20°59'01.7"	107°02'50.7"
D11	20°59'03.8"	107°02'42.4"	20°59'00.2"	107°02'49.2"

độ sâu đạt: -4,8m (âm bốn mét tám).

*Lưu ý: Dải cạn có độ sâu nhỏ nhất -2,2m, nằm tại mép cầu, ở khoảng giữa cầu nhập nguyên, nhiên liệu, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 7m.*

### 3. Vùng nước trước bến cầu xuất xi măng rời:

- Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm D15', D11, D17, D16, D15 có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
D15'	20°59'01.4"	107°02'39.9"	20°58'57.8"	107°02'46.7"
D11	20°59'03.8"	107°02'42.4"	20°59'00.2"	107°02'49.2"
D17	20°58'57.1"	107°02'49.9"	20°58'53.5"	107°02'56.7"
D16	20°58'52.3"	107°02'50.0"	20°58'48.7"	107°02'56.8"
D15	20°58'54.9"	107°02'47.2"	20°58'51.3"	107°02'54.0"

độ sâu đạt: -6,9m (âm sáu mét chín).

- Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm D11, D12, D18, D17 có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
D11	20°59'03.8"	107°02'42.4"	20°59'00.2"	107°02'49.2"

D12	20°59'05.3"	107°02'43.9"	20°59'01.7"	107°02'50.7"
D18	20°59'00.0"	107°02'49.8"	20°58'56.4"	107°02'56.6"
D17	20°58'57.1"	107°02'49.9"	20°58'53.5"	107°02'56.7"

độ sâu đạt: -7,2m (âm bảy mét hai).

Lưu ý: Dải cạn có độ sâu nhỏ nhất -5,4m, nằm tại mép cầu, cách điểm D18 về phía thượng lưu khoảng 90m, khu vực rộng nhất lấn vào vùng nước khoảng 5m.

**Ghi chú:** Hải đồ cần cập nhật: VN50004, VN4N0004;

Truy cập bản tin Thông báo hàng hải điện tử tại địa chỉ <http://www.vms-north.vn>

Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Vụ vận tải - Bộ GTVT;
- Bộ tư lệnh Hải quân;
- Cục Hàng hải Việt Nam (kèm theo bình đồ);
- Báo Giao thông;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Cục Cảnh sát biển;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:
  - + Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VIETSOVPETRO (VSP);
  - + Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC);
  - + Công ty Cổ phần Vận tải khí Quốc tế (GAS SHIPPING);
- Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Hiệp hội Cảng biển Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh (kèm theo bình đồ);
- Cảng Quảng Ninh;
- Công ty cổ phần Hoa tiêu Hàng hải - TKV;
- Công ty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (để thông báo trên đài chuyên hải);
- Phòng cảnh sát giao thông đường thủy công an - Quảng Ninh
- Sở Giao thông vận tải công chính Quảng Ninh;
- Đại lý hàng hải Hải Phòng (VOSA Hải Phòng);
- Đại lý hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn);
- Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO);
- Công ty Vận tải biển III (VINASHIP);
- Công ty Vận tải và cung ứng xăng dầu đường biển;
- Công ty Vận tải xăng dầu VIPCO;
- Công ty Vận tải biển Hà Nội;
- Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (VITRANCHART);
- Công ty Vận tải và thuê tàu VIETFRACH (Hải Phòng);
- Công ty Vận tải thủy Bắc;
- Công ty Cổ phần đại lý vận tải SAFI (Hải Phòng);
- Công ty Cổ phần công nghiệp tàu thủy Hoàng Linh;
- Công ty Vận tải xăng dầu VITACO;
- Công ty TNHH Hoàng Đạt;
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long (5b);
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc:
  - + Công ty hoa tiêu khu vực III (kèm theo bình đồ);
  - + Xí nghiệp ĐATHH Đông Bắc Bộ;
  - + Xí nghiệp Khảo sát ĐATHH Miền Bắc;
  - + Phòng ĐATHH, KTKH, HTQT;
  - + Lưu: VP.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đương Ngọc Đức